

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 35
8. Phụ lục 01	36

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 4553/QĐ-UB ND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : (0292) 3.841.289
- Fax : (0292) 3.841.116

Công ty có Chi nhánh là Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản đặt tại địa chỉ tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; chế biến, bảo quản rau quả; nuôi trồng thủy sản nội địa; nuôi trồng thủy sản biển; sản xuất giống thủy sản; chăn nuôi gia cầm; chăn nuôi lợn; chăn nuôi trâu, bò; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dầu, mỡ động vật, thực vật; mua bán xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, bột cá, dầu mỡ, mỡ cá và các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống khác; mua bán thủy sản tươi, đông lạnh, qua chế biến và các mặt hàng thực phẩm khác; mua bán phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản; kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ phục vụ ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; hoạt động tư vấn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản; hoạt động môi giới thương mại; vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng ô tô tải thông thường, xe chuyên dụng, xe container; cho thuê xe có động cơ; cho thuê kho lạnh bảo quản nông, thủy hải sản, thực phẩm; kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, mặt bằng, bến bãi, nhà xưởng, nhà kho; sản xuất bột cá, dầu cá, mỡ cá, từ phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Võ Đông Đức	Chủ tịch	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
2. Nguyễn Chí Thảo	Phó Chủ tịch	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
3. Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
4. Võ Thị Thanh Nga	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
5. Lê Huỳnh Thanh Trúc	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Lý Quốc Tuấn	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
2. Phạm Lệ Liễu	Phó ban	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
3. Lê Ánh Hồng	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
2. Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
3. Lê Thành Đước	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 07 tháng 5 năm 2010
4. Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2015
5. Lâm Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 30 tháng 11 năm 2015
6. Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 19 tháng 8 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Đông Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

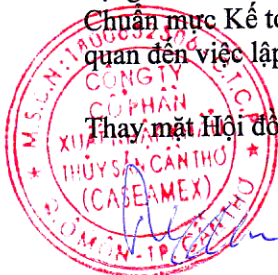
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Võ Đông Đức
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số: 4.0133/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2014-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2616-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.547.246.183	371.112.128.988
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.731.850.718	20.102.408.086
1. Tiền	111	V.1	30.731.850.718	20.102.408.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		153.488.557.050	140.493.355.715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	151.391.128.132	118.229.174.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3a	1.859.497.934	1.629.979.490
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	15.422.310.789	26.017.694.759
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(15.184.379.805)	(5.383.493.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		164.898.283.059	194.758.943.960
1. Hàng tồn kho	141	V.6	164.898.283.059	194.758.943.960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.428.555.356	10.757.421.227
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.790.468.600	2.173.590.345
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.452.024.234	8.397.768.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	186.062.522	186.062.522
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		202.293.274.190	196.493.011.823
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.223.553.755	6.723.553.755
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3b	8.123.553.755	6.623.553.755
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	100.000.000	100.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.645.606.959	80.417.317.330
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	65.846.261.727	55.685.922.246
- Nguyên giá	222		220.777.036.110	202.466.121.269
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.930.774.383)	(146.780.199.023)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	23.799.345.232	24.731.395.084
- Nguyên giá	228		26.915.740.855	26.915.740.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.116.395.623)	(2.184.345.771)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		95.624.592.142	104.408.698.501
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	95.624.592.142	104.408.698.501
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.799.521.334	4.943.442.237
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.799.521.334	4.943.442.237
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		569.840.520.373	567.605.140.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		345.736.990.163	351.913.995.717
I. Nợ ngắn hạn	310		320.501.281.663	309.912.995.717
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	46.488.430.028	40.725.134.783
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	10.764.445.743	6.609.368.467
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.871.883.129	1.995.377.100
4. Phải trả người lao động	314	V.14	9.169.443.376	2.412.954.323
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.032.440.909	976.753.272
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	36.274.638.478	36.185.207.772
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	209.900.000.000	221.008.200.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25.235.708.500	42.001.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	4.066.708.500	90.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	21.169.000.000	41.911.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

12/27/2018 1:41

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

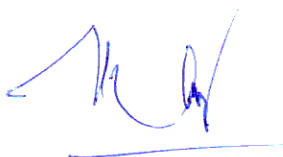
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.103.530.210	215.691.145.094
I. Vốn chủ sở hữu	410		224.103.530.210	215.691.145.094
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a	150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19a	56.789.552.000	56.789.552.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19a	(9.508.163.000)	(9.508.163.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	2.508.094.861	2.508.094.861
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19a	8.007.637.118	7.158.781.917
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	15.383.149.231	7.819.619.316
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		952.610.816	7.819.619.316
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		14.430.538.415	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		569.840.520.373	567.605.140.811

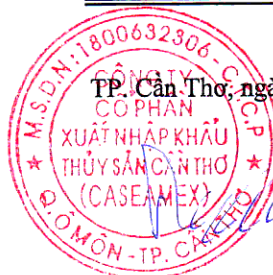
TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập



Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

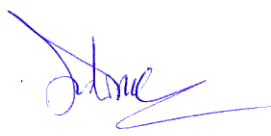
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

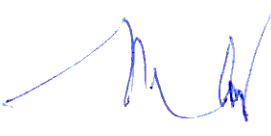
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	712.833.809.780	533.322.376.637
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.394.314.305	6.405.547.682
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		705.439.495.475	526.916.828.955
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	611.392.177.723	472.468.635.342
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.047.317.752	54.448.193.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.039.395.855	3.089.381.382
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	16.050.653.751	11.636.816.001
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.525.305.106	11.173.511.442
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	43.459.221.332	29.475.916.073
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	16.288.845.302	7.761.339.088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.287.993.222	8.663.503.833
11. Thu nhập khác	31	VI.8	50.913.333	46.363.636
12. Chi phí khác	32	VI.9	337.424.067	-
13. Lợi nhuận khác	40		(286.510.734)	46.363.636
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.001.482.488	8.709.867.469
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3.024.378.470	1.320.620.817
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.977.104.018	7.389.246.652
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10a	1.113	484
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10a	1.113	484



TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập


Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng


Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		683.190.386.359	660.243.215.513
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(534.991.466.282)	(504.775.312.514)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(54.471.726.496)	(45.721.828.494)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.5	(15.525.305.106)	(14.268.059.479)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(1.278.141.365)	(361.514.227)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.882.625.110	19.175.079.161
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.323.407.620)	(66.805.612.772)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.482.964.600	47.485.967.188
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8; V.10	(12.000.631.228)	(19.497.985.978)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		90.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	5.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	124.666.666	317.722.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.785.964.562)	(18.680.263.378)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

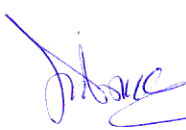
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a	508.324.277.101	484.653.257.225
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a,b	(540.174.477.101)	(496.405.909.525)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19d	(5.309.363.886)	(8.678.840.013)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.159.563.886)	(20.431.492.313)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.537.436.152	8.374.211.497
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.102.408.086	11.521.689.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		92.006.480	206.507.108
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	30.731.850.718	20.102.408.086

TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2019




Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập


Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng


Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 708 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 731 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê ao

Chi phí thuê ao được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí thuê luật sư

Chi phí thuê luật sư được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	08-15
Tài sản cố định khác	04-08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty. Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực Kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.837.678.876	507.227.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.894.171.842	19.595.180.543
Cộng	<u>30.731.850.718</u>	<u>20.102.408.086</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Sea International	45.943.545.168	53.123.831.909
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 4 - Đồng Tâm	21.145.672.331	-
Các khách hàng khác	84.301.910.633	65.105.342.616
Cộng	<u>151.391.128.132</u>	<u>118.229.174.525</u>

3. Trả trước cho người bán

3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Công ty TNHH Bao bì Hoàn Mỹ	506.438.575	506.438.575
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xây dựng Kinh doanh Nhà Vạn Thái	-	1.068.540.915
Các nhà cung cấp khác	1.353.059.359	55.000.000
Cộng	<u>1.859.497.934</u>	<u>1.629.979.490</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phát	8.123.553.755	6.623.553.755
Cộng	8.123.553.755	6.623.553.755

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Nguyễn An Hữu - Đầu tư cá nguyên liệu	5.261.589.600	-	9.470.982.200	-
Nguyễn Văn Cường - Đầu tư cá nguyên liệu	7.230.750.840	-	10.987.439.340	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	209.916.667	-
Thuế GTGT tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	37.946.919	-	-	-
Tạm ứng	380.350.111	-	931.747.831	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt chờ nguồn bù đắp	1.584.573.319	-	3.282.283.721	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	927.100.000	-	1.135.325.000	-
Cộng	15.422.310.789	-	26.017.694.759	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Các khoản ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-	100.000.000	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Lotus Seafood- Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	3.197.340.160	-	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	3.197.340.160	1.278.936.064
Công ty Cổ phần Việt An - Phải thu tiền bán hàng năm	Từ 02 năm đến dưới 03 năm	3.439.194.082	-	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	3.439.194.082	2.063.516.649
Sea International	Trên 03 năm	45.943.545.168	42.370.432.181		-	-
Blue Is Inc - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	9.949.465.152	4.974.732.576	Trên 03 năm	9.949.465.152	7.959.572.122
Công ty TNHH		-	-	Trên 03 năm	99.518.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
MTV Đức Kha - Phải thu tiền bán hàng				
Cộng	62.529.544.562	47.345.164.757	16.685.517.894	11.302.024.835

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.383.493.059	3.989.658.042
Trích lập dự phòng bổ sung	9.800.886.746	1.393.835.017
Số cuối năm	15.184.379.805	5.383.493.059

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.500.612.882	-	6.543.676.794	-
Công cụ, dụng cụ	13.194.018	-	13.194.018	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.806.239.617	-	129.442.548.228	-
Thành phẩm	31.578.236.542	-	58.759.524.920	-
Cộng	164.898.283.059	-	194.758.943.960	-

Toàn bộ thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 31.578.236.542 VND (số đầu năm là 58.759.524.920 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.17a).

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	872.259.201	629.859.366
Chi phí bảo hiểm tài sản	68.084.750	84.597.017
Chi phí đánh giá chất lượng	148.686.590	138.498.842
Chi phí gia cố bờ ao	804.688.647	144.541.828
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	35.819.935	81.988.300
Chi phí sửa chữa tài sản	292.489.883	89.207.849
Chi phí thường niên sử dụng logo ASC	84.478.852	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	483.960.742	1.004.897.143
Cộng	2.790.468.600	2.173.590.345

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.103.465.405	1.458.130.431
Chi phí đào ao cá Mỹ Hòa	427.088.510	682.806.160
Chi phí gia cố bờ ao	1.606.546.720	151.313.457
Chi phí sửa chữa tài sản	1.933.580.258	388.434.146
Chi phí luật sư tư vấn chống phá giá	800.666.799	1.428.935.480

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

			<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Chi phí trả trước dài hạn khác			928.173.642	833.822.563		
Cộng			8.799.521.334	4.943.442.237		
8. Tài sản cố định hữu hình						
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>	
Nguyên giá						
Số đầu năm	79.597.065.908	110.660.672.665	8.812.512.754	3.395.869.942	202.466.121.269	
Mua trong năm	2.412.264.751	2.832.496.100	1.891.534.430	-	7.136.295.281	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.193.214.810	-	-	-	12.193.214.810	
Thanh lý, nhượng bán	-	(182.034.450)	(836.560.800)	-	(1.018.595.250)	
Số cuối năm	94.202.545.469	113.311.134.315	9.867.486.384	3.395.869.942	220.777.036.110	
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.308.487.676	60.366.437.318	3.701.947.869	3.395.869.942	71.772.742.805	
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	50.185.687.166	86.503.703.783	6.764.271.559	3.326.536.515	146.780.199.023	
Khấu hao trong năm	5.563.763.757	3.036.837.904	460.148.855	69.333.427	9.130.083.943	
Thanh lý, nhượng bán	-	(182.034.450)	(797.474.133)	-	(979.508.583)	
Số cuối năm	55.749.450.923	89.358.507.237	6.426.946.281	3.395.869.942	154.930.774.383	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	29.411.378.742	24.156.968.882	2.048.241.195	69.333.427	55.685.922.246	
Số cuối năm	38.453.094.546	23.952.627.078	3.440.540.103	-	65.846.261.727	
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 32.780.615.785 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.17a).

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	26.848.170.860	67.569.995	26.915.740.855
Số cuối năm	26.848.170.860	67.569.995	26.915.740.855
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng	-	67.569.995	67.569.995

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.116.775.776	67.569.995	2.184.345.771
Khấu hao trong năm	932.049.852	-	932.049.852
Số cuối năm	3.048.825.628	67.569.995	3.116.395.623
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.731.395.084	-	24.731.395.084
Số cuối năm	23.799.345.232	-	23.799.345.232
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 23.799.345.232 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.17a và V.17b).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	2.060.000.000	-	-	-	2.060.000.000
- Chuyển nhượng đất Trà Vinh	1.600.000.000	-	-	-	1.600.000.000
- Chuyển nhượng đất Tân Thạnh An	460.000.000	-	-	-	460.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	102.348.698.501	4.864.335.947	(12.193.214.810)	(1.455.227.496)	93.564.592.142
- Công trình xây dựng dự án Gia Phúc - Nhà ở xã hội	90.111.081.275	3.453.510.867	-	-	93.564.592.142
- Công trình kho lạnh	12.237.617.226	1.410.825.080	(12.193.214.810)	(1.455.227.496)	-
Cộng	104.408.698.501	4.864.335.947	(12.193.214.810)	(1.455.227.496)	95.624.592.142

11. Phải trả người bán ngắn hạn**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Chi nhánh Công ty TNHH De Heus tại Vĩnh Long	-	383.965.083
Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	18.529.077.075	17.402.211.214
Các nhà cung cấp khác	27.959.352.953	22.938.958.486
Cộng	46.488.430.028	40.725.134.783

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Các nhà cung cấp khác	115.336.565	263.245.165
Cộng	<u>115.336.565</u>	<u>263.245.165</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
El Badawy Import & Export	3.372.320.841	-
New Food Import Inc.	1.119.570.174	-
Mahanoor Food Industries	-	381.410.280
Mekong Food Connection Pte Ltd	-	435.945.967
Pmart Superstore Co., Ltd.	-	557.714.801
Các khách hàng khác	6.272.554.728	5.234.297.419
Cộng	<u>10.764.445.743</u>	<u>6.609.368.467</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	186.062.522	-	-	-	186.062.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.311.970.575	-	3.024.378.470	(1.278.141.365)	3.058.207.680	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-	37.946.919	(30.609.391)	7.337.528	-
Thuế thu nhập cá nhân	331.678.525	-	570.239.818	(570.568.422)	331.349.921	-
Thuế tài nguyên	1.728.000	-	43.830.240	(41.846.240)	3.712.000	-
Tiền thuê đất	350.000.000	-	(1.050.000.000)	1.171.276.000	471.276.000	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	<u>1.995.377.100</u>	<u>186.062.522</u>	<u>2.630.395.447</u>	<u>(753.889.418)</u>	<u>3.871.883.129</u>	<u>186.062.522</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%, 10%
Dịch vụ	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 57221000003 ngày 05 tháng 12 năm 2006 do Ban Quản lý các khu Chế xuất và Công nghiệp Cần Thơ cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm cuối cùng dự án được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.001.482.488	8.709.867.469
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	369.597.602	21.148.488
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	20.371.080.090	8.731.015.957
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	20.371.080.090	8.731.015.957
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.074.216.018	1.746.203.191
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.016.008.338)	(434.232.616)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.058.207.680	1.311.970.575
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(33.829.210)	8.650.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.024.378.470	1.320.620.817

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	3.557.534.652	267.629.692
Phí xử lý nước thải	443.219.781	709.123.580
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	31.686.476	-
Cộng	<u>4.032.440.909</u>	<u>976.753.272</u>

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	334.080.516	511.743.579
Bảo hiểm xã hội	1.031.376.220	976.909.551
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.700.000.000	8.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.996.141.379	2.438.496.765
Nguyễn Thị Thanh Vân - Phải trả tiền mượn không lãi suất	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Hoàng Giáp - Phải trả tiền mượn không lãi suất	197.985.717	197.985.717
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phát - Phải trả tiền mượn không lãi suất	15.000.000.000	16.800.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.015.054.646	1.560.072.160
Cộng	<u>36.274.638.478</u>	<u>36.185.207.772</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	<u>209.900.000.000</u>	<u>202.828.200.000</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	209.900.000.000	202.828.200.000
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	29.900.000.000	28.028.200.000
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	-	174.800.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long ⁽ⁱⁱ⁾	180.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	-	18.180.000.000
Cộng	<u>209.900.000.000</u>	<u>221.008.200.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, truyền dẫn (xem thuyết minh số V.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	221.008.200.000	209.101.852.300
Số tiền vay phát sinh	508.324.277.101	484.653.257.225
Số tiền vay đã trả	(519.432.477.101)	(490.926.909.525)
Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	-	18.180.000.000
Số cuối năm	<u>209.900.000.000</u>	<u>221.008.200.000</u>

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ 2 ⁽ⁱ⁾	<u>21.169.000.000</u>	<u>41.911.000.000</u>
Cộng	<u>21.169.000.000</u>	<u>41.911.000.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ 2 (tên cũ là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ninh Kiều) để đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay hoàn trả được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	18.180.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	21.169.000.000	41.911.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>21.169.000.000</u>	<u>60.091.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	41.911.000.000	65.570.000.000
Số tiền vay đã trả	(20.742.000.000)	(5.479.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(18.180.000.000)
Số cuối năm	<u>21.169.000.000</u>	<u>41.911.000.000</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	(3.244.833.721)	1.697.710.402	(1.547.123.319)
Quỹ phúc lợi	(37.450.000)	-	(37.450.000)
Cộng	<u>(3.282.283.721)</u>	<u>1.697.710.402</u>	<u>(1.584.573.319)</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.4).

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Võ Đông Đức	53.646.230.000	53.646.230.000
Các cổ đông khác	97.277.030.000	97.277.030.000
Cộng	<u>150.923.260.000</u>	<u>150.923.260.000</u>

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.092.326	15.092.326
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu phổ thông	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu phổ thông	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Số lượng cổ phiếu được mua lại với giá 7.000 VND/cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 30/2017/NQ.ĐHĐCĐ.2018 ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đã thông qua các vấn đề sau:

	VND
• Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	: 369.462.333
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017	: 738.924.665
• Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018	: 396.000.000
• Chia cổ tức năm 2017 (5%/Vốn điều lệ)	: 7.546.163.000

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức năm 2010	-	595.800
Cổ tức năm 2011	-	328.570
Cổ tức năm 2013	1.828.700	47.567.658
Cổ tức năm 2014	8.803.825	309.165.474
Cổ tức năm 2015	5.922.150	2.684.996.600
Cổ tức năm 2016	116.411.661	5.636.185.911
Cổ tức năm 2017	5.176.397.550	-
Cộng	<u>5.309.363.886</u>	<u>8.678.840.013</u>

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.352.719.371	2.165.392.015
Trên 01 năm đến 05 năm	8.059.706.942	8.154.927.928
Trên 05 năm	33.769.076.576	34.330.280.659
Cộng	<u>44.181.502.889</u>	<u>44.650.600.602</u>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 29 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ công bố.

20b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	840.201,69	240.988,84
Euro (EUR)	233,61	363,97

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	712.635.838.747	533.123.796.329
Doanh thu cho thuê tài sản	197.971.033	198.580.308
Cộng	<u>712.833.809.780</u>	<u>533.322.376.637</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	6.932.897.750	4.709.255.322
Giảm giá hàng bán	461.416.555	1.696.292.360
Cộng	<u>7.394.314.305</u>	<u>6.405.547.682</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	611.392.177.723	472.468.635.342
Cộng	<u>611.392.177.723</u>	<u>472.468.635.342</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	124.666.666	317.722.600
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.164.911	46.344.174
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.565.484.900	2.425.796.153
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	337.079.378	299.518.455
Cộng	<u>2.039.395.855</u>	<u>3.089.381.382</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	15.525.305.106	11.173.511.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	525.348.645	463.304.559
Cộng	<u>16.050.653.751</u>	<u>11.636.816.001</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.113.643.804	9.300.904.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.207.252.916	7.310.596.239
Các chi phí khác	23.138.324.612	12.864.415.088
Cộng	<u>43.459.221.332</u>	<u>29.475.916.073</u>

11/01/2019
ĐƠN ĐĂNG KÝ
TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	396.000.000	396.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	271.236.855	704.391.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	11.228.996
Thuế, phí và lệ phí	91.116.406	82.053.787
Dự phòng phải thu khó đòi	9.800.886.746	1.393.835.017
Các chi phí khác	5.729.605.295	5.173.829.302
Cộng	<u>16.288.845.302</u>	<u>7.761.339.088</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	50.913.333	46.363.636
Cộng	<u>50.913.333</u>	<u>46.363.636</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	337.424.067	-
Cộng	<u>337.424.067</u>	<u>-</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.977.104.018	7.389.246.652
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.697.710.402)	(738.924.665)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	15.279.393.616	6.650.321.987
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.734.017	13.734.017
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.113</u>	<u>484</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 được tạm trích theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Tờ trình phân phối lợi nhuận ngày 29 tháng 01 năm 2019.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.734.017	13.734.017
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>13.734.017</u>	<u>13.734.017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	463.344.266.055	458.801.324.451
Chi phí nhân công	82.959.213.546	60.516.394.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.062.133.795	11.481.041.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.508.636.820	34.119.989.697
Chi phí khác	47.564.559.297	29.583.732.596
Cộng	<u>642.438.809.513</u>	<u>594.502.483.638</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

- Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 21 tháng 3 năm 2017, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 12 (POR 12 từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 đến ngày 31 tháng 7 năm 2015) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 2,39 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.
- Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 13 (POR 13 từ ngày 01 tháng 8 năm 2015 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 3,87 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Công ty chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.536.500.000	1.540.850.000
Tiền thưởng	128.000.000	233.580.000
Thù lao	288.000.000	396.000.000
Cộng	<u>1.952.500.000</u>	<u>2.170.430.000</u>

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là dịch vụ (doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	319.713.347.533	199.576.273.508
Nước ngoài	385.726.147.942	327.340.555.447
Cộng	<u>705.439.495.475</u>	<u>526.916.828.955</u>

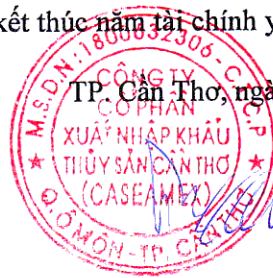
4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Cần Thơ, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THUY SÀN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ
BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	6.789.319.585	8.405.768.161	215.907.831.607
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	7.389.246.652	7.389.246.652
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	369.462.332	(1.108.386.997)	(738.924.665)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(6.867.008.500)	(6.867.008.500)
Số dư cuối năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	7.158.781.917	7.819.619.316	215.691.145.094
Số dư đầu năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	7.158.781.917	7.819.619.316	215.691.145.094
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	16.977.104.018	16.977.104.018
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	848.855.201	(2.546.565.603)	(1.697.710.402)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(6.867.008.500)	(6.867.008.500)
Số dư cuối năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	8.007.637.118	15.383.149.231	224.103.530.210

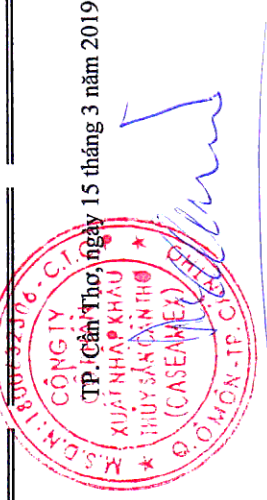
Đơn vị tính: VND



Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập



Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

